

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày: 14/02/2023

*“V/v Tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Phường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Tuấn** và bà **Hồ Thị Thủy**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Hồ Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên toà:
Bà **Nguyễn Phan Hoàng Yến** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 26 tháng 9 năm 2022, ngày 25 tháng 10 năm 2022 và ngày 07 đến ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 607/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 598/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Diễm M**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà **Bùi Thị D**, sinh năm 1941;

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L và bà D: Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2020 và ngày 18/10/2021.

3. Người làm chứng:

Bà **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1979;

Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1936;

Bà **Bùi Thị D**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà **Võ Thị Bé B**, sinh năm 1972;

Ông **Võ Quốc C**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, ý kiến tại biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đinh Thị Diễm M trình bày:*

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông ngoại chị tên là Ngô Văn M tặng cho chị và chị đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận vào ngày 08/6/2016. Khi làm thủ tục sang tên từ ông M qua cho chị thì có đo đạc và có sự chứng kiến của bà D và ông Trần Văn T, hai người này có ký tên vào giấy giáp ranh. Từ khi ông M cho đất thì chị sử dụng liên tục từ đó cho đến nay. Hiện trạng phần đất không có gì thay đổi so với khi Tòa án thẩm định. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị đang giữ, không có thể chấp cho cá nhân hoặc tổ chức nào.

Theo đơn khởi kiện bổ sung chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và bà D phải trả lại cho chị đủ diện tích lấn chiếm là $7,7m^2$, thuộc một phần thửa 1620, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, do chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm chị xin thay đổi yêu cầu là nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết xác định đường ranh giữa đất của chị với bà L như đường ranh chị xác định trong Sơ đồ đo đạc của Tòa án. Đồng thời, buộc bà L trả lại phần đất lấn chiếm diện tích $7,7m^2$, thuộc một phần thửa số 1620, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Về phần yêu cầu bà D thì nay chị xin rút lại và chị không có yêu cầu gì đối với bà D. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Bùi Thị L có người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Văn T trình bày:*

Bà L không thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị M. Về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp này là của ông Bùi Văn T (Cha của bà L, đã chết) nhận chuyển nhượng của ông Vân, rồi tặng cho lại cho bà L nên sang tên từ ông Vân qua cho bà L luôn và bà L được UBND huyện Tháp Mười cấp giấy chứng nhận vào ngày 30/3/2000. Đây là phần tài sản cha, mẹ tặng cho riêng bà L và từ khi được cha, mẹ tặng cho thì bà L sử dụng ổn định, liên tục từ đó cho đến nay. Khi làm thủ tục sang tên từ ông V sang cho bà L thì không có cơ quan chuyên môn nào tiến hành đo đạc. Hiện trạng phần đất không có gì thay đổi so với khi Tòa án thẩm định. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đang giữ, không có thể chấp cho cá nhân hoặc tổ chức nào. Đồng thời, bà L xác định phần đất này là tài sản riêng của bà L, còn chồng, các con, chị chồng của bà L không có liên quan gì và cũng không có công sức đóng góp, cải tạo gì đối với phần đất này. Hiện nay, bà L đang sinh sống tại địa chỉ Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đồng

thời, đối với vụ án này thì bà D không có liên quan gì. Bà L xin cam đoan toàn bộ lời trình bày trên của mình là đúng nếu sai bà L xin chịu trách nhiệm.

Nay bà L không đồng ý trả theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị M, vì bà L không có lấn đất gì của chị M. Đồng thời, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết đường ranh của hai phần đất trên theo như đường ranh bà L đã xác định trong Sơ đồ đo đạc của Tòa án. Ngoài ra, bà L không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Bùi Thị D có người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Văn T trình bày:*

Bà D thống nhất theo toàn bộ lời trình bày của bà L. Bà D là mẹ của bà L, phần đất này trước đây là tài sản của vợ, chồng bà D đã cho con là L, việc cho này là cho cá nhân của L. Sau khi vợ chồng bà D cho L thì đã giao toàn bộ phần đất trên cho L sử dụng và bà D không còn liên quan gì. Đối với lời trình bày của chị M là không đúng. Hiện nay, L đang đứng tên và quản lý sử dụng phần đất này, còn bản thân bà D thì không liên quan gì nên nay bà D yêu cầu Tòa án đưa bà D ra khỏi vụ án này. Đồng thời, đối với vụ án này bà D không có yêu cầu gì. Ngoài ra, bà D không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:*

- Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng quy định tại Điều 245, Điều 248 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa chị M và bà L là từ mốc 1 kéo một đường thẳng đến mốc D (Từ mốc 4 đo hướng về mốc 3 chiều ngang 0,12m tạo thành mốc D) theo sơ đồ đo đạc ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:
 - + Giấy CMND và sổ hộ khẩu (Bản photo);
 - + Phiếu chuyển của UBND xã Láng Biền;
 - + Biên bản hòa giải tranh chấp ranh ngày 09/7/2020 (Đóng dấu treo);
 - + Biên bản tranh chấp ranh ngày 21/6/2020 (Bản photo);
 - + Đơn yêu cầu giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai ngày 22/6/2020 (Bản photo);
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản photo);
 - + Bản mô tả ranh giới (Bản photo);

- + Phiếu xác nhận kết quả đo đạc (Bản photo);
- + Tờ trình về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản photo);
- + Trích lục bản đồ địa chính (Bản photo);
- + Biên nhận ngày 18/4/98 và ngày 06/4/99 (Bản photo);
- + Xác nhận nơi cư trú (Bản photo);
- + Giấy xác nhận giá đất đang tranh chấp (Bản photo).

- Bị đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản photo);
- + Trích lục bản đồ địa chính (Bản photo);
- + Sổ hộ khẩu (Bản photo);
- + Văn bản ủy quyền (Bản chính);
- + 01 xác nhận của người làm chứng viết trên giấy lịch (Bản photo);
- + 01 hình ảnh về đường ranh đang tranh chấp (Bản photo).

** Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:*

- + Biên bản về việc xem xét thẩm định tại chỗ;
- + Sơ đồ đo đạc và phụ lục kèm theo phần đất đang tranh chấp;
- + Biên bản định giá;
- + Biên bản lấy lời khai đương sự;
- + Các công văn trả lời và tài liệu, chứng cứ kèm theo của các cơ quan chuyên môn.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19 tháng 10 năm 2021.

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Về nguồn gốc đất và các tài liệu, chứng cứ trong vụ án.

** Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Xác định ranh giới quyền sử dụng đất các thửa đất của hai bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết xác định đường ranh giữa đất của chị M với bà L như đường ranh chị M xác định trong Sơ đồ đo đạc của Tòa án. Đồng thời, buộc bà L trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 7,7m², thuộc một phần thửa số 1620, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phần đất đang tranh chấp tọa lạc tại ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tổ tụng, xét thấy:

- Theo quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Nguyễn Thanh Minh Hiền và bà Hồ Thị Thủy. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Hiền bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa được thay thế bằng ông Trần Văn Tuấn là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này và không có khiếu nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L cấp cho hộ. Đối với chị M xác định phần đất này chị M được ông ngoại tặng cho riêng nên đây là tài sản của cá nhân của chị, không phải là tài sản chung với bất kỳ ai. Đối với ông T xác định hộ của bà L gồm: Bà L; ông Võ Văn S (Cha chồng của bà L, đã chết); bà Nguyễn Thị C (Mẹ chồng của bà L, đã chết); ông Võ Văn Đ (Anh chồng của bà L, đã tách ra ở riêng vào năm 2008); ông Võ Quốc C, sinh năm 1980 (Chồng của bà L); bà Hồ Thị T (Chị dâu của bà L, đã tách ra ở riêng vào năm 2008); anh Võ Quốc D, sinh năm 2008, chị Võ Thị Kiều O, sinh năm 2009 và anh Võ Quốc T, sinh năm 2012 (Con của bà L); bà Võ Thị Bé B, sinh năm 1972 (Chị chồng của bà L); ngoài ra không còn ai khác. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm phía bà L xác định phần đất trên là tài sản của bà L được cha tặng cho riêng và những người có tên trong hộ không có công sức đóng góp gì vào phần đất này nên đề nghị Tòa án không đưa những người này vào tham gia vụ án. Đồng thời, tại Văn bản ý kiến thì ông C và bà B thống nhất với lời trình bày của bà L. Ngoài ra, phía chị M cũng thống nhất và các đương sự đề nghị Tòa án không đưa thêm ai vào tham gia trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án không đưa những người trên vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Các đương sự đều thống nhất trình bày đối với phần đất của chị M đang tranh chấp ranh giới với bà L có nguồn gốc là của ông M (Là ông ngoại của chị M) tặng cho lại cho chị M. Đối với phần đất của bà L đang tranh chấp ranh giới với chị M có nguồn gốc là của ông T (Là cha ruột của bà L) tặng cho lại bà L (Ông T nhận chuyển nhượng từ ông V, rồi sang tên từ ông V qua cho bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn). Đồng thời, từ khi được tặng cho đất đến nay thì chị M và bà L sử dụng liên tục ổn định từ đó cho đến nay và không có phát sinh gì về ranh giới cho đến khi chị M khởi kiện. Ngoài ra, vào năm 2016 khi ông M là thủ tục tặng cho chị M thì có Cơ quan chuyên môn xuống đo đạc và có chữ ký người giáp ranh là bà D. Đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về diện tích đất: Đối với phần đất tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa các đương sự có diện tích tổng cộng là $7,7m^2$, trong phạm vi các mốc 1, C, 2, 3 (Đường ranh do nguyên đơn xác định) và mốc 5, B, 4 (Đường ranh do bị đơn xác định) theo sơ đồ đo đạc và phụ lục kèm theo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười. Đối với phần đất đang tranh chấp của nguyên đơn là thửa số 1620, diện tích $95,6m^2$ (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện

tích đo đạc thực tế do nguyên đơn xác định trừ đường ranh đang tranh chấp trên là 86,9m². Đối với phần đất đang tranh chấp của bị đơn là thửa số 154 (Theo bản đồ 299 là thửa số 372), diện tích 1.430,9m² (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích đo đạc thực tế do bị đơn xác định trừ đường ranh đang tranh chấp trên là 1.422,9m². Như vậy, so với diện tích được cấp thì phần đất của nguyên đơn còn thiếu 8,7m², còn phần đất của bị đơn còn thiếu 8m².

- Về hiện trạng đường ranh đang tranh chấp: Đối với phần đường ranh này là khoảng đất trống, không có cây trồng hoặc kiến trúc gì.

- Xét thấy: Đối với phần đất của chị M thì căn cứ vào Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 10/3/2016 (Bút lục số 105) thì có thể hiện chữ ký, chữ viết họ và tên Bùi Thị D ở phần tên chủ sử dụng hoặc chủ quản lý đất liền kề. Đối với việc này chị M trình bày vào năm 2016 khi ông M làm thủ tục tặng cho qua cho chị M thì có Cơ quan chuyên môn xuống đo đạc và giáp ranh có chữ ký của bà D, về việc này thì ông T thừa nhận. Do đó, có đủ cơ sở xác định vào năm 2016 thì thửa đất của chị M có đo đạc thực tế và tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/3/2016 (Bút lục số 101) có thể rõ chiều dài các cạnh của thửa đất của chị M. Tuy nhiên, giữa thửa đất của chị M với các thửa đất liền kề còn lại của ông M thì từ trước đến nay không có xác định ranh gì và khi Tòa án xuống xem xét thẩm định tại chỗ thì chị M mới xác định ranh với đất ông M. Đối chiếu với Sơ đồ đo đạc thì các cạnh chị M xác định thực tế so với các cạnh trong Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/3/2016 là không phù hợp. Đối với phần đất của bà L trước đất là thửa số 372, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có đo đạc thực tế. Đến năm 2020, bà L đổi sang chính quy thành thửa số 154, ông Thành thừa nhận khi đổi sang chính quy thì tự Cơ quan chuyên môn đo đạc không có chủ đất liền kề ký tên xác nhận. Đồng thời, giữa thửa đất của bà L với thửa đất liền kề phía sau của bà Do (Chị ruột của bà L) thì từ trước đến nay không có xác định ranh gì và khi Tòa án xuống xem xét thẩm định tại chỗ thì bà L mới xác định ranh với đất của bà Do. Do 02 thửa đất đang tranh chấp không xác định được ranh chính xác với các thửa đất còn lại của người thân bên mình nên không thể căn cứ vào các số liệu của các tài liệu trong hồ sơ cấp đất của hai bên để làm căn cứ giải quyết. Đồng thời, đối với 02 thửa đất trên thì từ trước đến khi chị M khởi kiện thì giữa hai bên vẫn sử dụng ổn định phần đất của mình, không có phát sinh tranh chấp gì và hiện trạng đường ranh đang tranh chấp không có cây hoặc kiến trúc gì. Ngoài ra, so với diện tích được cấp thì diện tích đo đạc thực tế của hai bên đều thiếu. Do đó, nay Hội đồng xét xử xác định đường ranh giữa 02 thửa đất này là đoạn thẳng nối từ mốc mới là mốc 5' (Nằm giữa mốc 1 và 5) kéo đến mốc mới là mốc 4' (Từ mốc 3 đo qua chiều ngang 0,17m hướng về phần đất của chị M). Như vậy, phần yêu cầu của chị M được chấp nhận có diện tích tổng cộng là 3,85m².

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nhận.

[5] Theo đơn khởi kiện thì chị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và bà D phải trả lại cho chị M đủ diện tích lấn chiếm là $7,7m^2$. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì chị M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà D. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật và phía bị đơn cũng thống nhất việc này. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị M đối với bà D.

[6] Đối với bà D không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[7] Tại các phiên tòa sơ thẩm, các đương sự xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì các đương sự không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận 01 phần nên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá nguyên đơn phải chịu phần yêu cầu khởi kiện của mình không được chấp nhận, còn bị đơn phải chịu phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả diện tích $7,7m^2$ nhưng chỉ được chấp nhận 01 phần với diện tích là $3,85m^2$. Như vậy, nếu tính phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 10 phần thì nguyên đơn được chấp nhận tương đương 05 phần, còn 05 phần không được chấp nhận. Đồng thời, tổng chi phí trên là 9.929.000 đồng (Trong đó chị M đã tạm ứng trước 7.929.000 đồng và đã chi xong, còn bà L đã tạm ứng trước 2.000.000 đồng và đã chi xong).

[9] Về án phí:

- Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

- Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[10] Về ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:

- Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng quy định tại Điều 245, Điều 248 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa chị M và bà L là từ mốc 1 kéo một đường thẳng đến mốc D (Từ mốc 4 đo hướng về mốc 3 chiều ngang $0,12m$ tạo thành mốc D) theo sơ đồ đo đạc ngày 30/12/2022

của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười. Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai; Điều 175 của Bộ luật dân sự; Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 235, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Diễm M. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất của chị Đinh Thị Diễm M tại thửa số 1620 với đất của bà Bùi Thị L tại thửa số 154 (Theo bản đồ 299 là thửa số 372) là đoạn đường thẳng nối qua các mốc M5' và M4', đất tọa lạc tại ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật (Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2021, sơ đồ đo đạc ngày 29/4/2021, phụ lục kèm theo ngày 30/12/2022 và ngày 14/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười).

2. Đình chỉ xét xử một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị M về việc yêu cầu bà Bùi Thị D cùng với bà L phải trả lại cho chị M đủ diện tích lấn chiếm là 7,7m², thuộc một phần thửa 1620, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

- Chị M phải chịu 4.964.500 đồng (Bốn triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá. Chị M đã nộp xong.

- Bà L phải chịu 4.964.500 đồng (Bốn triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá. Sau khi trừ vào số tiền tạm ứng trước 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thì bà L phải nộp tiếp số tiền là 2.964.500 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) để trả lại cho chị M.

4. Về án phí:

- Chị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0011301, ngày 02/12/2020 và số 0001941, ngày 10/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, chị M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Bà L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn - Hồ Thị Thủy

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ánh

Nguyễn Thị Thúy

Nguyễn Minh Phường

